CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TIN 12 HK2

**Câu 1:** Có hai loại kiến trúc hệ CSDL là :

**A.** Tập trung và phân tán

**B.** Thuần nhất và hỗn hợp

**C.** Tập trung và trung tâm

**D.** Cá nhân và khách chủ

**Câu 2:** Phát biểu sau nói về hệ CSDL nào?

<<CSDL và hệ quản trị CSDL tập trung tại một máy, người dùng từ xa có thể truy cập thông qua phương tiện truyền thông và các thiết bị đầu cuối>>

**A.** Trung tâm

**B.** Cá nhân

**C.** Phân tán

**D.** Khách chủ

**Câu 3:** Cơ sở dữ liệu quan hệ là:

**A.** CSDL được xây dựng dựa trên mô hình dữ liệu quan hệ

**B.** Hệ CSDL gồm nhiều bảng

**C.** Phần mềm để tạo lập, cập nhật, khai thác CSDL quan hệ

**D.** Tập khái niệm mô tả cấu trúc, tính chất, ràng buộc trên CSDL

**Câu 4:** Khóa chính của bảng thường được chọn theo tiêu chí nào?

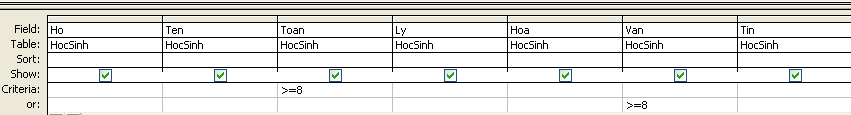
**A.** Khóa có ít thuộc tính nhất

**B.** Khóa bất kỳ

**C.** Khóa có một thuộc tính

**D.** Các thuộc tính không thay đổi theo thời gian

**Câu 5:** Quan sát lưới thiết kế sau và cho biết điều kiện lọc dữ liệu của mẫu hỏi:



**A.** Lọc ra những học sinh giỏi Toán hoặc giỏi Văn

**B.** Lọc ra những học sinh giỏi Toán và giỏi Văn

**C.** Lọc ra những học sinh giỏi tất cả các môn

**D.** Lọc ra những học sinh không giỏi Toán hoặc không giỏi Văn

**Câu 6:** Để mở cửa sổ liên kết bảng, ta nhấn công cụ

**A.** 

**B.** 

**C.** 

**D.** 

**Câu 7:** Để nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo vệ, ta phải:

**A.** thường xuyên thay đổi tham số bảo vệ.

**B.** bảo vệ bằng biên bản hệ thống.

**C.** ngăn chặn virus cho hệ thống.

**D.** nhận dạng người dùng bằng mật khẩu

**Câu 8:** Để tạo ra cột Thành tiền = SoLuong x DonGia (với SoLuong và DonGia là hai trường có sẵn trong bảng), ta gõ biểu thức như sau:

**A.** Thành tiền: [SoLuong] \* [DonGia]

**B.**Thành tiền = {SoLuong} \* {DonGia}

**C.**Thành tiền = (SoLuong) \* (DonGia)

**D.** Thành tiền:= [SoLuong] \* [DonGia]

**Câu 9:** Chức năng của biểu mẫu là

**A.** Hiển thị và cập nhật dữ liệu

**B.** Tạo báo cáo thống kê số liệu

**C.** Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

**D.** Tạo truy vấn lọc dữ liệu

**Câu 10:** Ai là người đưa ra các giải pháp về phần cứng và phần mềm để bảo mật thông tin, bảo vệ hệ thống?

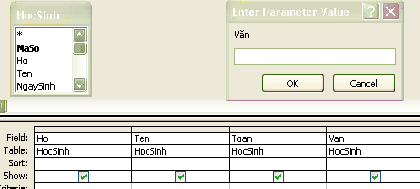
**A.** Người phân tích, thiết kế và người quản trị CSDL

**B.** Các tổ chức

**C.** Chính phủ

**D.** Người dùng

**Câu 11:** Khi chạy mẫu hỏi để xem kết quả mà xuất hiện hộp thoại như sau



Đây là lỗi gì?

**A.** Không tồn tại trường tên **Văn**, người sử dụng phải nhập vào giá trị để tính toán

**B.** Access yêu cầu người dùng nhập vào tên của bảng

**C.** Điểm môn Văn chưa có, phải nhập vào mới tính toán được

**D.** Bảng chưa có dữ liệu, phải nhập vào mới tính toán được

**Câu 12:** Phát biểu nào sau đây SAI?

**A.** Không lọc được dữ liệu trong biểu mẫu

**B.** Không thể thay đổi nhãn trong chế độ biểu mẫu của biểu mẫu

**C.** Không thể lập biểu thức tính toán trong biểu mẫu

**D.** Không thể thay đổi vị trí các trường trong chế độ trang dữ liệu của biểu mẫu

**Câu 13:** CSDL quản lí điểm của một trường học có nhiều đối tượng khai thác như: phụ huynh học sinh, giáo viên, học sinh, người cập nhật điểm thi…CSDL này cho phép nhiều người dùng truy cập từ xa thông qua mạng. Giáo viên có thể cập nhật điểm trực tiếp vào CSDL từ nhà. Khi cập nhật điểm hệ CSDL yêu cầu giáo viên nhập tên và mật khẩu. CSDL này đã sử dụng giải pháp bảo mật nào?

**A.** Phân quyền truy cập và nhận dạng người dùng

**B.** Lưu biên bản hệ thống

**C.** Mã hóa và nén dữ liệu

**D.** Tất cả các giải pháp bảo mật nêu trên

**Câu 14:** Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ ***không*** thực hiện công việc:

**A.** xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

**B.** thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

**C.** liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

**D.** định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

**Câu 15:** Khi làm việc với biểu mẫu, nút lệnh này  chuyển vào chế độ nào?

**A.** thiết kế

**B.** wizard

**C.** trang dữ liệu

**D.** biểu mẫu

**Câu 16:** Để xem kết quả của mẫu hỏi ta nhấn công cụ

**A.** 

**B.** 

**C.** 

**D.** 

**Câu 17:** Trong một CSDL quan hệ ***có thể*** có:

**A.** các thuộc tính cùng tên ở nhiều quan hệ khác nhau

**B.** thuộc tính đa trị hay phức hợp

**C.** hai bộ giống khóa chính

**D.** hai quan hệ cùng tên

**Câu 18:** Khi tạo báo cáo, để làm xuất hiện thanh công cụ Toolbox, ta nhấn vào biểu tượng

**A.** 

**B.** 

**C.** 

**D.** 

**Câu 19:** Biên bản hệ thống dùng để:

**A.** Tất cả các phương án trên đều đúng.

**B.** phát hiện các truy vấn không bình thường

**C.** cung cấp thông tin đánh giá mức độ quan tâm của người dùng đối với hệ thống

**D.** hỗ trợ khôi phục hệ thống khi có sự cố

**Câu 20:** Chức năng của mẫu hỏi là:

**A.** Tất cả các chức năng

**B.** tổng hợp thông tin từ nhiều bảng

**C.** sắp xếp, lọc các bản ghi

**D.** thực hiện tính toán đơn giản

**Câu 21:** Mục đích của việc liên kết bảng là

**A.** cho phép tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng

**B.** đảm bảo sự nhất quán của dữ liệu

**C.** tránh dư thừa dữ liệu

**D.** cho phép thực hiện các tính toán

**Câu 22:** Chức năng của đối tượng báo cáo là

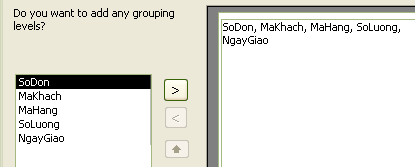
**A.** tất cả các phương án

**B.** so sánh dữ liệu

**C.** tổng hợp dữ liệu

**D.** trình bày nội dung văn bản theo mẫu

**Câu 23:** Cho biết hình ảnh sau đây là bước nào khi tạo báo cáo:



**A.** chọn trường gộp nhóm

**B.** chọn nguồn dữ liệu cho báo cáo

**C.** chọn trường sắp xếp

**D.** chọn trường tổng hợp

**Câu 24:** CSDL quản lí điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông của tỉnh Lâm Đồng có nhiều đối tượng khai thác như: phụ huynh học sinh, giáo viên, học sinh, người cập nhật điểm thi… Học sinh có quyền gì đối với điểm thi trong CSDL này?

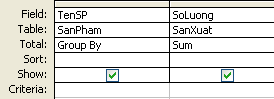
**A.** Đ

**B.** Đ, B, X, S

**C.** Đ, X

**D.** Đ, B

**Câu 25:** Quan sát và cho biết kết quả của mẫu hỏi sau



**A.** Hiển thị tổng số lượng của từng sản phẩm đã sản xuất

**B.** Hiển thị danh sách sản phẩm

**C.** Hiển thị tổng các sản phẩm đã sản xuất

**D.** Liệt kê tất cả các sản phẩm đã sản xuất

**Câu 26:** Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật, khai thác CSDL quan hệ được gọi là:

**A.** hệ quản trị CSDL quan hệ

**B.** hệ quản trị CSDL

**C.** CSDL quan hệ

**D.** hệ CSDL quan hệ

**Câu 27:** Cập nhật dữ liệu trong CSDL quan hệ là :

**A.** thêm, xóa, chỉnh sửa bản ghi

**B.** tạo bảng, chọn khóa chính, lưu cấu trúc

**C.** truy vấn, sắp xếp, kết xuất báo cáo

**D.** tạo liên kết giữa các bảng

**Câu 28:** Cho bảng Danh\_phach như sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | SBD | Phách |
| 1 | HS1 | S1 |
| 2 | HS2 | S2 |
| 3 | HS3 | S3 |
| 4 | HS1 | S4 |

Khóa chính của bảng trên là :

**A.** Phách

**B.** STT hoặc SBD

**C.** SBD và phách

**D.** SBD hoặc phách

**Câu 29:**  Phát biểu nào sau đây SAI khi tạo báo cáo?

**A.** Không thể tạo biểu thức tính toán trong báo cáo

**B.** Có thể sắp xếp dữ liệu trong báo cáo

**C.** Có thể thay đổi nhãn của trường

**D.** Không được phép di chuyển trường trong chế độ trang dữ liệu của báo cáo.

**Câu 30:** Trong các ưu điểm sau, ưu điểm nào **không** phải của hệ CSDL phân tán?

**A.** Thiết kế CSDL đơn giản, chi phí thấp

**B.** Thích hợp cho nhiều người dùng

**C.** Dữ liệu chia sẻ trên mạng nhưng vẫn cho phép quản trị dữ liệu địa phương

**D.** Dữ liệu có tính tin cậy cao

**Câu 31:** Chương trình kiểm tra trắc nghiệm trên máy thường xuyên nhắc nhở học sinh cập nhật các thông tin về họ tên, SBD, lớp trước khi kiểm tra nhằm mục đích:

**A.** hạn chế sai sót của người dùng

**B.** đảm bảo thông tin không bị mất hoặc thay đổi ngoài ý muốn

**C.** không tiết lộ nội dung dữ liệu và chương trình xử lí

**D.** ngăn chặn các truy cập không được phép

**Câu 32:** Hãy sắp xếp thứ tự các bước khi tạo báo cáo bằng thuật sĩ:

1. Đặt tên báo cáo

2. Chọn trường gộp nhóm

3. Chọn nguồn dữ liệu cho báo cáo

4. Chọn giao diện hiển thị

5. Chọn trường sắp xếp

6. Chọn trường đưa vào báo cáo

7.Chọn đối tượng Reports

8.Nháy đúp vào Create report by using wizard

**A.** 7-8-3-6-2-5-4-1

**B.** 7-8-6-2-5-4-1-3

**C.** 7-8-1-3-6-2-5-4

**D.** 3-4-5-4-5-1-7-8

**Câu 33:** Khi khai thác CSDL quan hệ ta ***có thể***:

**A.** sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

**B.** tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết

**C.** đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

**D.** thêm, sửa, xóa bản ghi

**Câu 34:** Cho CSDL quản lí cho vay của một ngân hàng chứa bảng KHÁCH HÀNG gồm các thuộc tính: STT, mã khách hàng, họ tên, số CMND, địa chỉ, số điện thoại. Khóa của bảng này là:

**A.** STT, mã khách hàng, số CMND, họ tên+địa chỉ+số điện thoại

**B.** STT, mã khách hàng, số CMND, họ tên+số điện thoại

**C.** mã khách hàng, số CMND, họ tên+địa chỉ+số điện thoại

**D.** STT, mã khách hàng, số CMND

**Câu 35:** Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta ***không thể*** để trống trường nào sau đây:

**A.** Khóa chính và trường bắt buộc điền dữ liệu

**B.** Khóa chính

**C.** Khóa và khóa chính

**D.** Tất cả các trường của bảng

**Câu 36:** Sau khi liên kết các bảng trong CSDL quan hệ, ta phải cập nhật dữ liệu vào các bảng theo trình tự nào?

**A.** bắt buộc phải nhập dữ liệu cho bảng tham chiếu trước, bảng chính sau.

**B.** bắt buộc phải nhập dữ liệu cho bảng chính trước, bảng tham chiếu sau.

**C.** nhập dữ liệu theo đúng thứ tự tạo bảng.

**D.** nhập dữ liệu cho bảng nào trước cũng được.

**Câu 37:**Hai trường dùng để liên kết hai bảng bắt buộc phải

**A.** có dùng kiểu dữ liệu

**B.** có cùng tên

**C.** đều là khóa chính

**D.** Phải có cả 3 yếu tố trên

**Câu 38.** Có mấy cách tạo biểu mẫu?

**A.** 3 cách: tự thiết kế, sử dụng mẫu có sẵn, kết hợp hai cách sử dụng mẫu và tự thiết kế

**B.** 1 cách: tự thiết kế

**C.** 1 cách: sử dụng mẫu có sẵn

**D.** 2 cách: tự thiết kế, sử dụng mẫu có sẵn

**Câu 39:** Cho các thao tác sau :

B1: Tạo bảng

B2: Đặt tên và lưu cấu trúc

B3: Chọn khóa chính cho bảng

B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

**A.** B1-B3-B2-B4

**B.** B1-B3-B4-B2

**C.** B2-B1-B2-B4

**D.** B1-B2-B3-B4

**Câu 40.** Nguồn để tạo mẫu hỏi là

**A.** bảng hoặc mẫu hỏi

**B.** bảng hoặc biểu mẫu

**C.** bảng

**D.** mẫu hỏi

**Câu 41: Câu nào *đúng* trong các câu sau khi nói về CSDL được biểu diễn trong mô hình quan hệ ?**

**A.** Không phụ thuộc vào tài nguyên của máy tính

**B.** Gặp rất nhiều khó khăn trong việc xử lí thông tin

**C.** Tất cả đều đúng

**D.** Lượng dữ liệu rất lớn, khó lưu trữ

**Câu 42: CSDL phân tán không có nhược điểm nào sau đây ?**

**A.** Cho phép mở rộng linh hoạt

**B.** Hệ thống dữ liệu phức tạp hơn

**C.** Đảm bảo an ninh khoá khăn hơn

**D.** Thiết kế CSDL phức tạp, chí phí cao

**Câu 43: Hệ QTCSDL dùng để …………….CSDL quan hệ gọi là hệ QTCSDL quan hệ**

**A.** tạo lập, cập nhật và khai thác

**B.** tạo lập và khai thác

**C.** cập nhật và khai thác

**D.** tạo lập và cập nhật

**Câu 44: Hãy cho biết loại cập nhật cấu trúc nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:**

**A.** Thay đổi tên của một trường không phải là trường khóa

**B.** Thay đổi kích thước của một trường

**C.** Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

**D.** Thay đổi kiểu định dạng của một trường

**Câu 45: Tên của tập tin trong Access bắt buộc phải đặt trước hay sau khi tạo CSDL**

**A.** Bắt buộc đặt tên tệp trước rồi mới tạo CSDL sau

**B.** Đặt tên tệp sau khi đã tạo CSDL

**C.** Access tự đặt tên

**D.** Không có quy định này

**Câu 46: Phần mềm quản trị CSDL trên máy khách không thực hiện công việc nào sau đây?**

**A.** Trực tiếp xử lí mà không cần gửi đến máy chủ yêu cầu tài nguyên

**B.** Tiếp nhận yêu cầu của người dùng

**C.** Xử lý yêu cầu người dùng

**D.** Định dạng dữ liệu đưa ra cho người dùng

**Câu 47: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là việc nào trong các việc dưới đây?**

**A.** Tạo lập một hay nhiều bảng

**B.** Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu

**C.** Tạo ra một hay nhiều báo cáo

**D.** Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi

**Câu 48: Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?**

**A.** Xem dữ liệu

**B.** Nhập dữ liệu ban đầu

**C.** Sửa những dữ liệu chưa phù hợp

**D.** Thêm bản ghi

**Câu 49: Phát biểu nào sau đây là sai?**

**A.** CSDL tổ chức tốt là CSDL có ít bảng

**B.** Một bảng có thể liên kết với nhiều bảng trong CSDL quan hệ

**C.** Nhờ liên kết giữa các bảng, ta tập hợp được thông tin từ nhiều bảng trong CSDL quan hệ

**D.** Trong mỗi bảng của CSDL quan hệ có thể có rất nhiều bản ghi

**Câu 50: Khai báo cấu trúc cho một bảng không bao gồm công việc nào?**

**A.** Nhập dữ liệu cho bảng

**B.** Đặt tên trường

**C.** Chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

**D.** Khai báo kích thước của trường

**Câu 51: Trong Access, khi tạo liên kết giữa các bảng, hãy chọn phát biểu đúng:**

**A.** Hai trường không nhất thiết phải là khóa chính

**B.** Phải có ít nhất một trường là khóa chính

**C.** Một trường là khóa chính, một trường không

**D.** Cả hai trường phải là khóa chính

**Câu 52: Tiêu chí nào sau đây thường được chọn khoá chính?**

**A.** Chỉ là khoá có một thuộc tính

**B.** Khoá bất kì

**C.** Khoá có ít thuộc tính nhất

**D.** Không chứa các thuộc tính thay đổi theo thời gian, chẳng hạn như tên địa danh

**Câu 53: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là việc nào trong các việc dưới đây?**

**A.** Tạo lập một hay nhiều bảng

**B.** Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu

**C.** Tạo ra một hay nhiều báo cáo

**D.** Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi

**Câu 54: Tìm phương án ghép *sai*. Thao tác sắp xếp bản ghi:**

**A.** Chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường

**B.** Không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa

**C.** Để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lí hơn

**D.** Có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau

**Câu 55: Câu nào *đúng* trong các câu dưới đây đối với khóa chính?**

**A.** Các giá trị của nó phải là duy nhất

**B.** Nó phải là trường đầu tiên của bảng

**C.** Nó phải được xác định như một trường văn bản

**D.** Nó không bao giờ được thay đổi

**Câu 56: Câu nào là *đúng*. Sau khi tạo cấu trúc cho bảng thì:**

**A.** Có thể lưu lại cấu trúc và nhập dữ liệu sau

**B.** Không thể sửa lại cấu trúc

**C.** Phải nhập dữ liệu ngay

**D.** Phải định dạng dữ liệu ngay

**Câu 57: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây?**

**A.** Chỉ tạo được liên kết giữa hai bảng khi hai bảng đếu có trường liên kết giống nhau về tên trường

**B.** Trong liên kết giữa các bảng, bảng chính là bảng để thiết lập mối quan hệ giữa các đối tượng

**C.** Sự liên kết giữa các bảng được xác lập dựa trên thuộc tính khóa

**D.** Trong mối liên kết giữa các bảng, bảng chính thường là bảng chứa nhiều thông tin hơn

**Câu 58: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?**

**A.** Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

**B.** Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

**C.** Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

**D.** Phần mềm Microsoft Access

**Câu 59: Thao tác nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:**

**A.** Thay đổi kích thước của một trường

**B.** Thêm một vài trường mới

**C.** Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

**D.** Thay đổi định dạng của một trường

**Câu 60: Phép cập nhật cấu trúc nào nêu dưới đây làm thay đổi giá trị các dữ liệu hiện có trong bảng?**

**A.** Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

**B.** Đổi tên một trường

**C.** Thêm một trường vào cuối bảng

**D.** Chèn một trường vào giữa các trường hiện có

**Câu 61: Câu nào *sai* trong các câu dưới đây khi nói về đặc trưng chính của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?**

**A.** Các bộ là không phân biệt và thứ tự của các bộ là quan trọng

**B.** Mỗi quan hệ có một tên phân biệt với tên các quan hệ khác

**C.** Quan hệ không có thuộc tính là đa trị hay phức hợp

**D.** Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt, thứ tự các thuộc tính không quan trọng

**Câu 62: Trong Access, muốn nhập dữ liệu vào cho một bảng, ta thực hiện :**

**A.** Nháy đúp trái chuột lên tên bảng cần nhập

**B.** Nháy phải chuột lên tên bảng cần nhập

**C.** Nháy đúp phải chuột lên tên bảng cần nhập

**D.** Nháy trái chuột lên tên bảng cần nhập

**Câu 63: Công việc nào dưới đây Access thực hiện một cách tự động?**

**A.** Loại bỏ một bản ghi có giá trị khóa trùng lặp

**B.** Loại bỏ một trường nếu trong bảng tồn tại 2 trường có dữ liệu giống nhau

**C.** Loại bỏ một số trong trường văn bản

**D.** Loại bỏ một bảng nếu bảng đó không liên quan đến các bảng khác

**Câu 64: Câu nào trong các câu dưới đây *sai* khi nói về hệ CSDL cá nhân?**

**A.** Người dùng đóng vai trò là người quản trị CSDL

**B.** Hệ CSDL chỉ cho phép 1 người dùng tại một thời điểm

**C.** Tính an toàn của hệ CSDL cá nhân rất cao

**D.** Hệ CSDL cá nhân được lưu trữ trên 1 máy

**Câu 65: Khẳng định nào sau đây về CSDL quan hệ là *đúng* ?**

**A.** Cơ sở dữ liệu được xây dựng trên mô hình dữ liệu quan hệ

**B.** Tập hợp các bảng dữ liệu

**C.** Cơ sở dữ liệu mà giữa các dữ liệu có quan hệ với nhau

**D.** Cơ sở dữ liệu được tạo ra từ hệ QTCSDL Access

**Câu 66: Cách nào nêu dưới đây không thể nhập dữ liệu cho bảng?**

**A.** Nhập qua báo cáo

**B.** Nhập từ bàn phím nhờ biểu mẫu

**C.** Nhập trực tiếp từ bàn phím vào bảng

**D.** Nhập bằng câu lệnh SQL

**Câu 67: Khi nào chúng ta *không* cần hệ quản trị CSDL?**

**A.** Khi không cần thiết đa người dùng cùng truy nhập vào CSDL chung

**B.** Cung cấp các công cụ định nghĩa và thao tác dữ liệu linh hoạt

**C.** Tích hợp với nhiều trình ứng dụng khác nhau: các ngôn ngữ lập trình, các ứng dụng hỗ trợ phân tích thiết kế, …

**D.** Để đảm bảo tính tiêu chuẩn hóa: các hệ CSDL khác nhau, dữ liệu của các chương trình ứng dụng khác nhau dựa trên một tiêu chuẩn chung

**Câu 68: Chọn phát biểu nào sau đây là sai về CSDL phân tán?**

**A.** Dữ liệu có độ tin cậy cao

**B.** Người dùng sẽ không thấy được sự phân tán khi truy cập vào CSDL phân tán

**C.** Cấu trúc phân tán thích hợp cho nhiều người dùng

**D.** Do dữ liệu phân tán nên việc thiết kế đơn giản và chi phí thấp

**Câu 69: Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :**

**A.** Thuộc tính khóa

**B.** Tên trường

**C.** Địa chỉ của các bảng

**D.** Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

**Câu 70: Mã hóa thông tin *không* nhằm mục đích:**

**A.** Để đọc thông tin được nhanh và thuận tiện hơn

**B.** Giảm dung lượng lưu trữ thông tin

**C.** Tăng cường tính bảo mật khi lưu trữ

**D.** Giảm khả năng rò rỉ thông tin trên đường truyền

Câu 71: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

A. Mô hình phân cấp

B. Mô hình dữ liệu quan hệ

C. Mô hình hướng đối tượng

D. Mô hình cơ sỡ quan hệ

Câu 72: Các khái niệm dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

A. Cấu trúc dữ liệu

B. Các ràng buộc dữ liệu

C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu

D. Tất cả câu trên

Câu 73: Mô hình dữ liệu quan hệ được E. F. Codd đề xuất năm nào?

A. 1975

B. 2000

C. 1995

D. 1970

Câu 74: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

A. Cột (Field)

B. Hàng (Record)

C. Bảng (Table)

D. Báo cáo (Report)

Câu 75: Thao tác trên dữ liệu có thể là:

A. Sửa bản ghi

B. Thêm bản ghi

C. Xoá bản ghi

D. Tất cả đáp án trên

Câu 76: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ

B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ

C. Phần mềm Microsoft Access

D. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệt

Câu 77: Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 78: Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 79: Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 80: Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

Câu 81: Trong hệ CSDL quan hệ, miền là:

A. Tập các kiểu dữ liệu trong Access

B. Kiểu dữ liệu của một bảng

C. Tập các thuộc tính trong một bảng

D. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

Câu 82: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai* khi nói về miền?

A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau

B. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên

C. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền

D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

Câu 83: Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

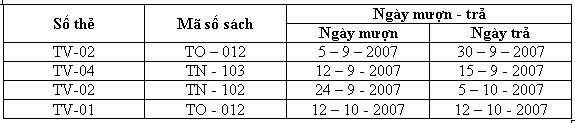
A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng

B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp

C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng

D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

Câu 84: Cho bảng dữ liệu sau:



Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

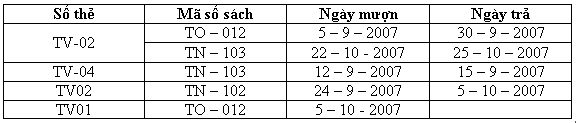
A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt

B. Không có thuộc tính tên người mượn

C. Có một cột thuộc tính là phức hợp

D. Số bản ghi quá ít.

Câu 85: Cho bảng dữ liệu sau:



Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

A. Ðộ rộng các cột không bằng nhau

B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV – 02

C. Một thuộc tính có tính đa trị

D. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính

Câu 86: Phần mềm nào sau đây *không* phải là hệ QT CSDL quan hệ?

A. Visual Dbase, Microsoft SQL Server

B. Oracle, Paradox

C. OpenOffice, Linux

D. Microsoft Access, Foxpro

Câu 87: Khẳng định nào là *sai* khi nói về khoá?

A. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể

B. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể

C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá

D. Khoá phải là các trường STT

Câu 88: Phát biểu nào *sai* trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính

B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá

C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu

D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 89: Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

A. Khóa chính

B. Khóa và khóa chính

C. Khóa chính và trường bắt buộc điền dữ liệu

D. Tất cả các trường của bảng

Câu 90: Trong mô hình quan hệ, ràng buộc như thế nào được gọi là ràng buộc toàn vẹn thực thể (ràng buộc khoá)?

A. Các hệ QT CSDL quan hệ kiểm soát việc nhập dữ liệu sao cho dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống, dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau để đảm bảo sự nhất quán dữ liệu

B. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống

C. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau

D. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống nhưng được trùng nhau

Câu 91: Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

A. STT

B. Số báo danh

C. Phòng thi

D. Họ tên học sinh

Câu 92: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

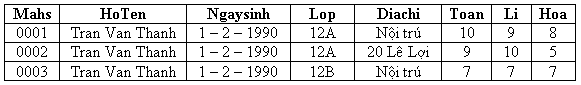
A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất

B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số

C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN

D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

Câu 93. Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có mộ mã số (Mahs)



Khoá chính của bảng là:

A. Khoá chính = {Mahs}

B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}

C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}

D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

Câu 94. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

A. Địa chỉ của các bảng

B. Thuộc tính khóa

C. Tên trường

D. Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

Câu 95: Cho các bảng sau :

- DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai)

- LoaiSach(MaLoai, LoaiSach)

- HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào ?

A. HoaDon

B. DanhMucSach, HoaDon

C. DanhMucSach, LoaiSach

D. HoaDon, LoaiSach

Câu 96: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu

B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo

C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi

D. Tạo ra một hay nhiều bảng

Câu 97: Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm :

A. Khai báo kích thước của trường

B. Tạo liên kết giữa các bảng

C. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

D. Câu A và C đúng

Câu 98: Thao tác nào sau đây *không* thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?

A. Tạo cấu trúc bảng

B. Chọn khoá chính

C. Ðặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng

D. Nhập dữ liệu ban đầu

Câu 99: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây *không* nhất thiết phải thực hiện?

A. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt

B.Chọn kiểu dữ liệu

C. Đặt kích thước

D. Mô tả nội dung

Câu 100: Cho các thao tác sau :

B1: Tạo bảng B2: Đặt tên và lưu cấu trúc B3: Chọn khóa chính cho bảng B4: Tạo liên kết

Khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

A. B1-B3-B4-B2

B. B2-B1-B2-B4

C. B1-B3-B2-B4

D. B1-B2-B3-B4

Câu 101: Thao tác nào sau đây *không* phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

A. Nhập dữ liệu ban đầu

B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp

C. Thêm bản ghi

D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng

Câu 102: Chỉnh sửa dữ liệu là:

A. Xoá một số quan hệ

B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

C. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

D. Xoá một số thuộc tính

Câu 103: Xoá bản ghi là :

A. Xoá một hoặc một số quan hệ

B. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu

C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng

D. Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

Câu 104: Thao tác nào sau đây *không* là khai thác CSDL quan hệ?

A. Sắp xếp các bản ghi

B. Thêm bản ghi mới

C. Kết xuất báo cáo

D. Xem dữ liệu

Câu 105: Khai thác CSDL quan hệ có thể là:

A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết

B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường

C. Thêm, sửa, xóa bản ghi

D. Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

Câu 106: Sau khi tạo cấu trúc cho bảng thì:

A. Không thể sửa lại cấu trúc

B. Phải nhập dữ liệu ngay

C. Có thể lưu lại cấu trúc và nhập dữ liệu sau

D. Khi tạo cấu trúc cho bảng xong thì phải cập nhật dữ liệu vì cấu trúc của bảng không thể sửa đổi

Câu 107: Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng

B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó

C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia

D. Tất cả đều đúng

Câu 108: Tìm phương án *sai*. Thao tác sắp xếp bản ghi:

A. Chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường

B. Có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau

C. Không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa

D. Để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lí hơn

Câu 109: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

B. Là một dạng bộ lọc

C. Là một dạng bộ lọc;có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ

D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

Câu 110: Khi xác nhận các tiêu chí truy vấn thì hệ QTCSDL sẽ *không* thực hiện công việc:

A. Xoá vĩnh viễn một số bản ghi không thoả mãn điều kiện trong CSDL

B. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng để kết xuất dữ liệu.

C. Liệt kê tập con các bản ghi thoả mãn điều kiện

D. Định vị các bản ghi thoả mãn điều kiện

Câu 111: Chức năng của mẫu hỏi (Query) là:

A. Tổng hợp thông tin từ nhiều bảng

B. Sắp xếp, lọc các bản ghi

C. Thực hiện tính toán đơn giản

D. Tất cả các chức năng trên

Câu 112: Chức năng chính của biểu mẫu (Form) là:

A. Tạo báo cáo thống kê số liệu

B. Hiển thị và cập nhật dữ liệu

C. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

D. Tạo truy vấn lọc dữ liệu

Câu 113: Câu nào sau đây *sai*?

A. Không thể tạo ra chế độ xem dữ liệu đơn giản

B. Có thể dùng công cụ lọc dữ liệu để xem một tập con các bản ghi hoặc một số trường trong một bảng

C. Các hệ quản trị CSDL quan hệ cho phép tạo ra các biểu mẫu để xem các bản ghi

D. Có thể xem toàn bộ dữ liệu của bảng

Câu 114 : Em hãy cho biết ý kiến nào là đúng . Trong giờ ôn tập về hệ CSDL, các bạn trong lớp thảo luận rất hăng hái. Đề cập đến vai trò của máy khách trong hệ CSDL khách-chủ, có rất nhiều bạn phát biểu:

A. Có thể được dùng để lưu trữ một phần CSDL

B. Có nhiệm vụ kiểm tra quyền được truy cập vào CSDL

C. Không được phép cài đặt thêm bất kì một CSDL cá nhân nào

D. Tất cả đều sai .

Câu 115 : Em hãy cho biết ý kiến nào là đúng . Trong giờ ôn tập về hệ CSDL, các bạn trong lớp thảo luận rất hăng hái. Đề cập đến vai trò của máy khách trong hệ CSDL khách-chủ,

có rất nhiều bạn phát biểu:

A. Có nhiệm vụ kiểm tra quyền được truy cập vào CSDL

B. Có quyền xin được cấp phát tài nguyên .

C. Không được phép quản lí các giao diện khi thực hiện các chương trình ứng dụng khai tah1c

CSDL

D. Không được phép cài đặt thêm bất kì một CSDL cá nhân nào

Câu 116 : Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Biên bản hệ thống được lưu trữ dưới dạng tệp thông thường, mọi người đều có thể truy cập,

đọc và hiểu được

B. Biên bản hệ thống thường được lưu trữ dưới dạng nén, có mã hóa và phải có quyền sử

dụng ở mức cao nhất mới có thể truy cập được .

C. Biên bản hệ thống được lưu trữ dưới dạng nén và mọi người dùng có thể đọc được nếu biết cách giải mã.

D. Tất cả đều đúng

Câu 117 : Câu nào trong các câu dưới đây sai khi nói về hệ CSDL cá nhân?

A. Hệ CSDL chỉ cho phép 1 người dùng tại một thời điểm

B. Người dùng đóng vai trò là người quản trị CSDL

C. Hệ CSDL cá nhân được lưu trữ trên 1 máy

D. Tính an toàn của hệ CSDL cá nhân rất cao .

Câu 118 : Câu nào đúng trong các câu dưới đây khi nói về hệ CSDL cá nhân

A. Việc phát triển và sử dụng các hệ CSDL cá nhân là khá đơn giản và dễ dàng .

B. Hiện nay hệ CSDL cá nhân được dùng phổ biến nhất

C. Hệ CSDL cá nhân có tính an toàn và bảo mật cao nhất

D. Tất cả đều đúng

Câu 119 : Câu nào đúng trong các câu dưới đây khi nói về hệ CSDL cá nhân

A. Đối với hệ CSDL cá nhân thì thông thường người sử dụng vừa thiết kế, tạo lập, cập nhật và bảo trì CSDL .

B. Hiện nay hệ CSDL cá nhân được dùng phổ biến nhất

C. Hệ CSDL cá nhân có tính an toàn và bảo mật cao nhất

D. Tất cả đều đúng

Câu 120 : Câu nào trong các câu dưới đây sai khi nói về hệ CSDL trung tâm?

A. Là hệ CSDL được cài đặt trên máy tính trung tâm cho phép nhiều người sử dụng cùng một lúc

B. Nhiều người dùng từ xa có thể truy cập vào CSDL này thông qua thiết bị đầu cuối và các phương tiện truyền thông

C. Máy tính trung tâm này chỉ là một máy tính duy nhất .

D. Các hệ CSDL trung tâm thường rất lớn và có nhiều người dùng

Câu 121 : Câu nào trong các câu dưới đây sai khi nói về hệ CSDL khách-chủ?

A. Trong kiến trúc khách-chủ, các thành phần (của hệ QTCSDL) tương tác với nhau tạo nên hệ

thống gồm thành phần yêu cầu tài nguyên và thành phần cấp tài nguyên

B. Hai thành phần yêu cầu tài nguyên và thành phần cấp tài nguyên phải cài đặt trên cùng một máy tính .

C. Thành phần cấp tài nguyên thường được cài đặt tại một máy chủ trên mạng (cục bộ)

D. Thành phần yêu cầu tài nguyên có thể cài đặt tại nhiều máy khác (máy khách) trên mạng

Câu 122 : Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về ưu điểm của hệ CSDL khách-chủ?

A. Khả năng truy cập rộng rãi đến các CSDL

B. Nâng cao khả năng thực hiện

C. Phát triển và sử dụng các hệ CSDL khách-chủ khá đơn giản, dễ dàng .

D. Chi phí cho phần cứng có thể giảm

Câu 123 : Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về ưu điểm của hệ CSDL khách-chủ?

A. Phát triển và sử dụng các hệ CSDL khách-chủ khá đơn giản, dễ dàng .

B. Chi phí cho truyền thông giảm

C. Nâng cao khả năng đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu

D. Bổ sung thêm máy khách là dễ dàng

Câu 124 : Câu nào đúng trong các câu sau?

A. Hệ CSDL tập trung có tính an toàn không cao

B. Hệ CSDL tập trung không cần phải có cơ chế kiểm tra và giải quyết tình trạng xung đột

C. Hệ CSDL tập trung có hiệu quả về mặt kinh tế .

D. Tất cả đều đúng

Câu 125 : Câu nào đúng trong các câu sau?

A. Hệ CSDL tập trung có tính an toàn không cao

B. Hệ CSDL tập trung không cần phải có cơ chế kiểm tra và giải quyết tình trạng xung đột

C. Hệ CSDL tập trung giải quyết mọi việc trên máy tính trung tâm .

D. Tất cả đều đúng

Câu 126 : Trong các chức năng dưới đây, chức năng nào không phải của thành phần cấp tài nguyên trong hệ CSDL khách-chủ?

A. Thành phần quản trị CSDL trên máy chủ tiếp nhận và xử lí các yêu cầu về CSDL, sau đó gửi kết quả về lại cho máy khách

B. Các xử lí ở máy chủ bao gồm cả việc kiểm tra quyền truy cập dữ liệu, đảm bảo tính toàn vẹn

dữ liệu, bảo trì hệ thống, thực hiện truy vấn và cập nhật.

C. Cung cấp các dịch vụ điều phối cập nhật đồng thời và khôi phục dữ liệu

D. Quản lí các giao diện khi thực hiện các chương trình ứng dụng CSDL .

Câu 127: Trong các câu dưới đây, câu nào không phải là chức năng của phần mềm quản trị

CSDL trên máy khách của hệ CSDL khách-chủ?

A. Tiếp nhận yêu cầu của người dùng

B. Xử lí yêu cầu của người dùng rồi gửi thông báo đến máy chủ yêu cầu tài nguyên

C. Cung cấp các dịch vụ điều phối cập nhật đồng thời và khôi phục dữ liệu .

D. Chờ nhận trả lời từ máy chủ và định dạng dữ liệu đưa ra cho người dùng

Câu 128: Câu nào sai trong các câu dưới đây khi nói về hệ CSDL phân tán?

A. Dữ liệu được định nghĩa và quản trị một cách tập trung tại một CSDL quy nhất đặt tại một vị

trí .

B. Cho phép người dùng truy cập không chỉ dữ liệu đặt tại chỗ mà cả những dữ liệu để ở xa

C. Người dùng truy cập vào CSDL phân tán thông qua chương trình ứng dụng

D. Hệ CSDL phân tán làm tăng hiệu quả truy cập dữ liệu

Câu 129: Trong hệ CSDL phân tán, việc xử lí các yêu cầu dữ liệu được thực hiện ở

A. tại trạm truy cập .

B. tại trạm trung tâm

C. tại một trạm gần trạm truy cập

D. tại tất cả các trạm

Câu 130: Trong hệ CSDL phân tán, việc truy cập dữ liệu được thực hiện ở

A. tại trạm truy cập

B. tại tất cả các trạm ở các nơi khác nhau .

C. trạm truy cập nhiều nhất

D. tại trạm đặt ở vị trí trung tâm

Câu 131: Trong các ưu điểm dưới đây, ưu điểm nào không phải của các hệ CSDL phân tán?

A. Dữ liệu được chia sẻ trên mạng nhưng vẫn cho phép quản trị dữ liệu địa phương

B. Dữ liệu có tính tin cậy cao

C. Dữ liệu có tính sẵn sàng

D. Việc thiết kế CSDL đơn giản, chi phí thấp hơn .

Câu 132: Trong các ưu điểm dưới đây, ưu điểm nào không phải của các hệ CSDL phân tán?

A. Dữ liệu có tính sẵn sàng

B. Việc thiết kế CSDL đơn giản, chi phí thấp hơn .

C. Hiệu năng của hệ thống được nâng cao hơn

D. Cho phép mở rộng các tổ chức một cách linh hoạt

Câu 133 Những hạn chế sau đây, hạn chế nào không phải của các hệ CSDL phân tán?

A. Hệ thống phức tạp hơn

B. Việc thiết kế CSDL phức tạp hơn, chi phí cao hơn

C. Đảm bảo an ninh khó hơn

D. Dữ liệu có tính tin cậy không cao .

Câu 134 Những hạn chế sau đây, hạn chế nào không phải của các hệ CSDL phân tán?

A. Việc thiết kế CSDL phức tạp hơn, chi phí cao hơn

B. Đảm bảo an ninh khó hơn

C. Dữ liệu có tính tin cậy không cao .

D. Đảm bảo tính nhất quán khó hơn